TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 142/2023/HSST
Ngày: 30 – 8 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Hương

2/ Ông Nguyễn Văn Du

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Kim Thoa, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 170/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2023/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm: 1999 tại A; nơi thường trú: Khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh A; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Thúy D; bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2023 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Ông La Văn C, sinh năm: 1994; địa chỉ: Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đ, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Lê Thị U, sinh năm: 1961; địa chỉ: Ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thúy N và anh La Văn C quen biết nhau do cùng sinh sống tại Khu nhà trọ, địa chỉ tại thị trấn D, huyện T, tỉnh Đ. Do biết được anh C hiện không có việc làm nên N đã rủ anh C cùng đi đến tỉnh B để tìm việc làm, anh C đồng ý.

Khoảng 15 giờ ngày 11/3/2023, anh La Văn C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, màu trắng-đỏ-đen, biển số 60H1-433.06 chở Nguyễn Thị Thúy N đi từ Khu nhà trọ, địa chỉ tại thị trấn D, huyện T, tỉnh Đ đến thành phố Th, tỉnh B để tìm việc làm. Khi cả hai đi đến địa bàn phường Phú Tân thì N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 60H1-433.06 của anh C để đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, N bảo anh C điều khiển mô tô biển số 60H1-433.06 chở N chạy vòng quanh các khu nhà trọ trên địa bàn phường P rồi bảo anh C dừng lại ở trước một kiot và nói dối với anh C đây là phòng trọ của chị gái N thuê ở nhưng do chị của N đi làm chưa về nên không có chìa khóa vào phòng và N nói với anh C sẽ điện thoại cho chị của N để N đến lấy chìa khóa. Sau đó, N lấy điện thoại di động của N điện thoại nói chuyện với một người phụ nữ tên H (hiện chưa xác minh rõ nhân thân, lai lịch). Nói xong, N kêu anh C để ba lô của anh C trên ghế đá ở trước kiot rồi rủ anh C đi ăn tối.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày 11/3/2023, anh C chở N đến quán cơm Tuyết Mai, địa chỉ ở đường N, khu phố 2, phường P, thành phố Th (cách căn kiot khoảng 200 mét) ăn cơm và đợi chị của N đi làm về. Khi cả hai đang ngồi ăn thì N hỏi mượn điện thoại di động của anh C rồi giả vờ điện thoại kêu chị của N mang chìa khóa ra cổng công ty để N đến lấy. Tiếp đó, N hỏi mượn xe mô tô biển số 60H1-433.06 của anh C để chạy đến công ty chị của N đang làm để lấy chìa khóa thì anh C đồng ý và đưa xe mô tô cho N chạy đi. Khoảng 30 phút sau, do không thấy N quay trở lại nên anh C điện thoại cho N nhưng N không nghe máy nên anh C tự đón xe trở lại kiot lấy ba lô rồi trở về nhà tại xã S, huyện T, tỉnh Đ.

Ngày 17/3/2023, anh La Văn C đã đến Công an phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một để tố giác Nguyễn Thị Thúy N về hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 60H1-433.06 của anh C.

Đối với Nguyễn Thị Thúy N: Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô biển số 60H1-433.06 của anh La Văn C, N điều khiển xe chạy về thị trấn A, huyện C, tỉnh A. Đến ngày 17/3/2023, N nhắn tin bảo anh C chuyển cho N số tiền 3.000.000 đồng để N giao lại xe mô tô biển số 60H1-433.06 nhưng anh C không đồng ý.

Đến ngày 21/3/2023, N tiếp tục nhắn tin kêu anh C chuyển cho N số tiền 1.000.000 đồng nhưng anh C vẫn không đồng ý mà yêu cầu gặp trực tiếp N để giải quyết nhưng N không trả lời.

Đến ngày 25/3/2023, N truy cập vào trang mạng xã hội Facebook để tìm người bán xe mô tô biển số 60H1-433.06 và liên hệ được với tài khoản tên "Xuyen My" thì người này đồng ý mua và hẹn N tại khu vực gần vòng xoay K thuộc phường K, thành phố T, tỉnh B để giao xe. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày 25/3/2023, khi N đến địa điểm trên thì gặp 02 người nam thanh niên (hiện chưa xác minh rõ nhân thân, lai lịch) đi trên 01 xe mô tô (hiện chưa xác minh rõ nhãn hiệu, biển số) và N bán xe mô tô biển số 60H1-433.06 của anh La Văn C cho hai người này được số tiền 14.500.000 đồng rồi N tiêu xài hết số tiền trên.

Ngày 21/4/2023, anh La Văn C nhìn thấy Nguyễn Thị Thúy N ở khu vực gần vòng xoay K và qua nói chuyện N đã thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt xe mô

tô biển số 60H1-433.06 của anh C nên đã cùng với anh C đi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để xin đầu thú.

Bản kết luận định giá tài sản số 106/KL-HĐĐGTS ngày 13/4/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, màu trắng-đỏ-đen, biển số 60H1-433.06, trị giá là 58.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 161/CT- VKSTDM ngày 15/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thúy N về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như Cáo trạng và đề nghị:

a) Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy N mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Hình phạt bổ sung: Không.

b) Xử lý vật chứng: Không.

c) Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585 và Điều 598 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy N bồi thường cho bị hại La Văn C số tiền 58.000.000 (năm mươi tám triệu) đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Thúy N thống nhất toàn bộ nội dung bản cáo trạng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về phần hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo không tranh luận và không tự bào chữa. Lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, xin giảm nhẹ hình phạt, hứa cải sửa bản thân và không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị Thúy N phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/3/2023, tại căn kiot, địa chỉ ở phường P, thành phố Th, tỉnh B, bị cáo Nguyễn Thị Thúy N dùng thủ đoạn gian dối là giả vờ nói với bị hại La Văn C đây là phòng trọ của chị gái bị cáo N đang thuê ở nhưng do chị gái của bị cáo N đi làm vẫn chưa về nên không có chìa khóa vào phòng nên bị cáo N hỏi mượn 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, màu trắng-đỏ-đen, biển số 60H1-433.06, trị giá 58.000.000 đồng của bị hại C để chạy đến công ty của chị gái bị cáo N lấy chìa khóa. Do tin tưởng nên bị hại C đã giao xe mô tô biển số 60H1-433.06 cho bị cáo N.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Thúy N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thúy N về tội danh điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do xe mô tô biển số 60H1-433.06 không thu hồi được nên bị hại C yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Thúy N phải bồi thường số tiền là 58.000.000 đồng. Hiện, bị cáo N chưa bồi thường số tiền trên cho anh C nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh La Văn C số tiền 58.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động (hiện chưa xác minh rõ nhãn hiệu) mà Nguyễn Thị Thúy N sử dụng để truy cập vào mạng xã hội Facebook và sau khi liên hệ, trao đổi với các đối tượng để bán xe mô tô biển số 60H1-433.06 của anh La Văn C thì điện thoại di động trên đã bị hỏng nên N vứt bỏ, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không thu hồi được nên không đặt ra

Đối với người sử dụng tài khoản Facebook tên "Xuyen My" và 02 người thanh niên mà Nguyễn Thị Thúy N đã bán xe mô tô biển số 60H1-433.06, do quá trình điều tra N đều khai nhân không biết rõ nhân thân, lai lịch của những người

này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không truy cứu trách nhiệm người này là phù hợp

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

Các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thúy N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy N bồi thường cho ông La Văn C số tiền 58.000.000 (năm mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huỳnh Minh Trí